



QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
(ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HDND ngày 2 tháng 5 năm 2026 của HDND phường Rach Già)

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Nội dung chi	Dự toán												Quyết toán												So sánh																				
		Trong đó		Giảm nghèo bền vững				Xây dựng nông thôn mới				Phát triển KT - XH vùng DTTS				Tổng số		Trong đó		Giảm nghèo bền vững				Xây dựng nông thôn mới				Phát triển KT - XH vùng DTTS				Tổng số (%)	Trong đó		Giảm nghèo bền vững				Xây dựng nông thôn mới				Phát triển KT - XH vùng DTTS			
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí Sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư Phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư Phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư Phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số (%)	Đầu tư Phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số (%)	Đầu tư Phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Tổng số (%)	Đầu tư Phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số (%)	Đầu tư Phát triển	Kinh phí sự nghiệp								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25=13/1	26=14/2	27=15/3	28=16/4	29=17/5	30=18/6	31=19/7	32=20/8	33=21/9	34=22/10	35=23/11	36=24/12									
I	Tổng số	917.497.900		917.497.900	539.734.400		539.734.400	19.358.000		19.358.000	358.405.500		358.405.500	862.661.139		862.661.139	536.974.640		536.974.640	19.358.000		19.358.000	306.328.499		306.328.499	94,02%		94,02%	99,49%		99,49%	100,00%		100%	85,47%		85,47%									
1	Trung tâm y tế Rach Già	134.102.000		134.102.000	9.102.000		9.102.000				125.000.000		125.000.000	133.150.999		133.150.999	8.252.000		8.252.000						124.898.999		124.898.999	99,29%		99,29%	90,66%		90,66%			99,92%		99,92%								
2	Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị	654.395.900		654.395.900	530.632.400		530.632.400	19.358.000		19.358.000	104.405.500		104.405.500	652.486.140		652.486.140	528.722.640		528.722.640	19.358.000		19.358.000	104.405.500		104.405.500	99,71%		99,71%	99,64%		99,64%	100,00%		100%	100,00%		100,00%									
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	73.000.000		73.000.000							73.000.000		73.000.000	35.824.000		35.824.000									35.824.000		35.824.000	49,07%		49,07%					49,07%		49,07%									
4	Văn phòng HĐND và UBND	56.000.000		56.000.000							56.000.000		56.000.000	41.200.000		41.200.000									41.200.000		41.200.000	73,57%		73,57%					73,57%		73,57%									